– HS **thảo luận**, **tìm** cách thực hiện, GV lưu ý HS dựa vào cảm nhận sức chứa của 1 m*l*, 1 *l* đã thực hành (muỗng chứa khoảng 20 giọt nước, bình chia mi-li-lít, chai nước 1 *l*).

– Sửa bài, HS **trình bày** suy luận của nhóm, chẳng hạn:

a) 5 m*l* (dựa vào muỗng chứa khoảng 20 giọt nước).

b) 500 *l* (500 m*l* chưa được 1 *l*, đây là bình chứa nước sinh hoạt).

c) 500 m*l* (chai nửa lít).

Bài 3:

– HS nhóm đôi **đọc** yêu cầu.

– HS **thảo luận** và **thực hiện**.

– Sửa bài, HS **trả lời** và **giải thích** cách làm (đếm thêm từng *trăm mi-li-lít* hoặc làm phép tính).

Vân cần uống thêm 1 *l* nước nữa.

Tuấn cần uống thêm 1 200 m*l* nước nữa.

– GV nhắc HS mỗi ngày cần uống khoảng 2 *l* nước.

Bài 4:

– HS **đọc** yêu cầu, **nhận biết** việc cần làm.

– HS **thảo luận** (nhóm bốn), **tìm** cách thực hiện.

– Sửa bài, HS các nhóm **trình bày**, **giải thích** cách suy luận.

Các em có nhiều cách giải thích, tuy nhiên GV có thể giúp các em nhận ra cách thuận tiện:

+ Có bốn số 900, 700, 800, 600.

+ Để có hai tổng bằng nhau, một tổng gồm số lớn nhất và bé nhất, tổng kia gồm hai số còn lại.

A và D (900 m*l* + 600 m*l* = 1 500 m*l*); B và C (700 m*l* + 800 m*l* = 1 500 m*l*).

Khám phá

– HS nhóm đôi **quan sát** hình ảnh, đọc để **tìm hiểu** nội dung.

– Các em **ghi nhớ**, coi đây là những kiến thức cơ bản tạo điều kiện gắn kết Toán và cuộc sống.

NHÂN SỐ CÓ BỐN CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ
(3 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Khái quát hoá việc nhân số có bốn chữ số với số có một chữ số (không nhớ, có nhớ không quá hai lần và nhớ không liên tiếp).

– Thực hiện tính nhẩm, tính giá trị của biểu thức, sử dụng mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia.

– Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến việc tính toán các số đo đại lượng.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống.

Phẩm chất: trách nhiệm, chăm chỉ, nhân ái.

B. Thiết bị dạy học

GV và HS: các thẻ số theo phần Cùng học (nếu cần).

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

GV tổ chức cho HS hát hoặc chơi để khởi động.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Xây dựng biện pháp nhân các số có bốn chữ số với số có một chữ số

a) 4213 × 2

Có thể tiến hành theo trình tự sau:

– GV nêu vấn đề 4213 × 2 = ?

+ HS nhóm đôi **nhận biết**: Nhân số có bốn chữ số với số có một chữ số.

+ HS **thảo luận**: Thực hiện phép nhân như vẫn làm.

+ HS **thực hiện** cá nhân: Đặt tính rồi tính (bảng con).

– Sửa bài.

+ HS nói cách đặt tính và tính, GV thực hiện phép tính trên bảng lớp.

+ GV: Ở bài đặt tính rồi tính cần lưu ý điều gì?

- Đặt tính cẩn thận.
- Tính từ phải sang trái.
- Khi tính luôn lưu ý việc "có nhớ".

+ Đây là phép nhân không nhớ.

b) 1524 × 3

Thực hiện tương tự phần a). Tuy nhiên, GV nên nói chi tiết cách đặt tính và viết cách nhân trên bảng lớp.

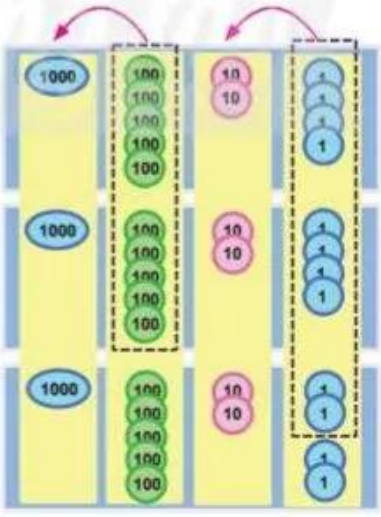

– **Đặt tính:** viết thừa số thứ nhất ở trên, viết thừa số thứ hai ở dưới – thẳng với hàng đơn vị của thừa số thứ nhất, viết dấu nhân, kẻ vạch ngang.

– **Tính** từ phải sang trái.

- 3 nhân 4 bằng 12, viết 2 nhớ 1.
- 3 nhân 2 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7.
- 3 nhân 5 bằng 15, viết 5, nhớ 1.
- 3 nhân 1 bằng 3, thêm 1 bằng 4, viết 4.

1524 × 3 = 4572

– Nếu cần thiết, GV có thể dùng các thẻ số minh hoạ các thao tác "nhớ" và "thêm".

2. Thực hành

– Có thể tiến hành như sau:

- Bốn phép tính đầu: HS **thực hiện** cá nhân rồi **chia sẻ** nhóm đôi.
- Bốn phép tính sau: Tổ chức trò chơi tiếp sức cho các tổ.

– GV lưu ý luôn nhận xét và chỉnh sửa việc đặt tính và tính.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– HS (nhóm đôi) **tìm hiểu** bài, **nhận biết**: **tính nhẩm**.

– HS **thực hiện** nhóm đôi: đọc phép tính và nói kết quả cho bạn nghe.

– GV chốt cách nhân nhẩm với số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn.

Ví dụ: $50 \times 2 \rightarrow$ 5 chục $\times 2 =$ 10 chục $\rightarrow 50 \times 2 = 100$

$500 \times 2 \rightarrow$ 5 trăm $\times 2 =$ 10 trăm $\rightarrow 500 \times 2 = 1\,000$

$5\,000 \times 2 \rightarrow$ 5 nghìn $\times 2 =$ 10 nghìn $\rightarrow 5\,000 \times 2 = 10\,000$

Bài 2:

– HS nhóm đôi **tìm hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu.

– **Thảo luận**, **tìm** cách thực hiện: Tìm tích hoặc tìm số bị chia.

– HS **thực hiện** cá nhân, **chia sẻ** nhóm đôi.

– Sửa bài, HS **giải thích** cách làm (cột thứ hai, HS có thể dựa vào quan hệ nhân – chia hoặc dựa vào quy tắc tìm số bị chia).

Bài 3:

– HS nhóm đôi **tìm hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu.

– **Thảo luận**, **tìm** cách giải quyết và **thực hiện**.

– Sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách làm. Có thể có nhiều cách giải thích.

GV giúp HS **nhận biết** cách làm thuận tiện, không cần tính toán.

a) $1\,080 \times 9 > 1\,020 \times 9$ (thừa số thứ hai đều là 9, thừa số thứ nhất: $1\,080 > 1\,020$).

b) $2 \times 1\,000 \times 5 = 1\,000 \times 2 \times 5$ (các thừa số đều giống nhau, chỉ khác vị trí).

c) $2\,400 \times 2 < (200 + 4\,000) \times 2$ (thừa số thứ hai đều là 2,
thừa số thứ nhất: $2\,400 < 4\,200$).

Bài 4:

– HS nhóm đôi **tìm hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu.

– **Thảo luận**, **tìm** cách giải quyết.

– HS **thực hiện** cá nhân rồi **chia sẻ** nhóm đôi.

– Sửa bài, HS **giải thích** cách làm.

GV giúp HS hệ thống thứ tự thực hiện phép tính trong biểu thức.

Bài 5:

– **Tìm hiểu** bài.

+ **Đọc** kĩ đề bài.

+ **Xác định** cái đã cho và câu hỏi của bài toán.

– Nhóm đôi **thảo luận**, **tìm** cách giải quyết.

+ Muốn biết số gạo còn lại phải biết số gạo trong kho (10 000 kg) và số gạo chuyển đi.

+ Muốn biết số gạo chuyển đi phải biết có bao nhiêu xe, mỗi xe chuyển bao nhiêu ki-lô-gam gạo.

– HS **trình bày** bài cá nhân.

Bài giải

1 500 × 6 = 9000

6 xe chuyển được 9000 kg gạo.

10000 – 9000 = 1000

Trong kho còn lại 1000 kg gạo.

– Sửa bài: Khuyến khích HS **giải thích** tại sao chọn phép tính đó, chẳng hạn:

+ 1 xe chở 1 500 kg.

6 xe chở ... kg?

1 500 được lấy 6 lần → 1 500 × 6.

+ 10000 kg bớt 9000 kg → 10000 – 9000.

Bài 6:

– **Tìm hiểu** bài.

+ **Đọc** kĩ đề bài.

+ **Xác định** cái đã cho và câu hỏi của bài toán.

– Nhóm đôi **thảo luận**, **tìm** cách giải quyết.

GV có thể hướng dẫn HS thể hiện hình ảnh, thuận lợi cho việc hiểu bài.

1 *l* | 500 m*l* | 500 m*l* | >, <, = | 2 *l*

– HS **trình bày** bài cá nhân.

Bài giải

500 × 2 = 1000

Hai chai nước 500 m*l* có tất cả 1000 m*l* nước.

1000 m*l* = 1 *l*

1 + 1 = 2

Hôm qua bạn Nam đã uống đủ 2 *l* nước.

Mở rộng: GV có thể liên hệ giáo dục HS biết tự chăm sóc sức khoẻ bản thân.

Vui học

– HS (nhóm đôi) **nhận biết** yêu cầu của bài.

Xác định các việc cần làm:

+ Tính nhẩm các phép tính.

+ Chọn phép tính có kết quả lớn hơn 1 000.

+ Xác định đường đi tới hũ mật ong.

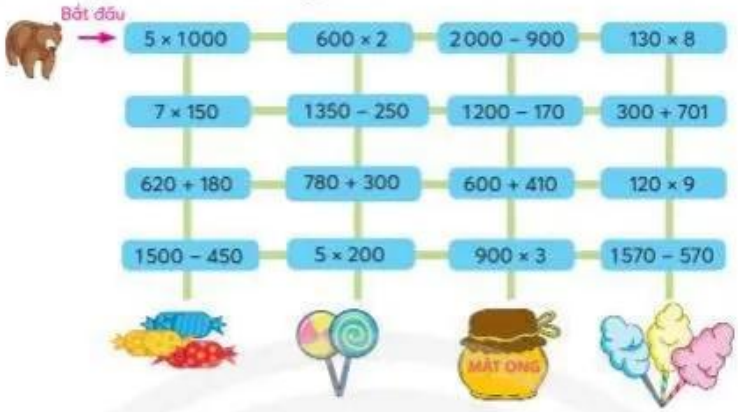

Lưu ý: Có thể đi nhiều cách.

CỦNG CỐ

GV có thể cho HS chơi ĐỐ BẠN.

Mỗi HS viết một số (tròn nghìn trong phạm vi 10 000) vào bảng con để chơi.

GV: Đố bạn, đố bạn. HS: Đố gì, đố gì?

GV lấy bảng của HS dưa lên và nói: Số này được lấy 2 lần (Ví dụ: 4 000).

Cả lớp: Tám nghìn.

(HS có thể chơi theo nhóm bốn, hoặc HS thay nhau lên điều khiển lớp chơi.)

CHIA SỐ CÓ BỐN CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

(3 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Thực hiện chia số có bốn chữ số cho số có một chữ số theo thuật tính (không tường minh các tích trong mỗi lượt chia).

– Thực hiện cộng, trừ, nhân, chia nhẩm các số tròn nghìn.

– Tính giá trị của biểu thức, tìm thành phần chưa biết của phép tính nhân, chia.

– Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến số đo đại lượng.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; mô hình hoá toán học; giao tiếp toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm.

B. Thiết bị dạy học

GV và HS: Các thẻ số theo phần Cùng học (nếu cần).